**TỔNG HỢP TỪ VỰNG ( TỰ BIÊN SOẠN)**

**Kì thi Olympic 30/4**

**Chủ đề Văn hóa và Xã hội:**

1. **Ethnocentrism**: Chủ nghĩa vị chủng (đánh giá văn hóa khác dựa trên tiêu chuẩn văn hóa của mình).
2. **Multiculturalism**: Đa văn hóa (sự tồn tại và hòa nhập của nhiều nền văn hóa).
3. **Assimilation**: Sự đồng hóa (quá trình một nhóm người hấp thụ văn hóa của nhóm khác).
4. **Subculture**: Tiểu văn hóa (một nhóm văn hóa nhỏ trong một văn hóa lớn hơn).
5. **Acculturation**: Quá trình tiếp biến văn hóa (thích nghi và tiếp thu văn hóa mới).
6. **Hegemony**: Quyền bá chủ (sự thống trị hoặc ảnh hưởng mạnh mẽ).
7. **Marginalization**: Sự bị gạt ra ngoài lề (bị đẩy ra ngoài xã hội hoặc không được chú ý).
8. **Discrimination**: Sự phân biệt đối xử (đối xử khác biệt dựa trên các yếu tố như chủng tộc, giới tính).
9. **Social stratification**: Phân tầng xã hội (sự phân chia xã hội thành các tầng lớp).
10. **Globalization**: Toàn cầu hóa (quá trình các quốc gia và văn hóa kết nối và phụ thuộc lẫn nhau).

**Chủ đề Giáo dục:**

1. **Pedagogy**: Khoa sư phạm (nghiên cứu và thực hành giảng dạy).
2. **Didactic**: Tính giáo khoa (mang tính giáo dục hoặc giảng dạy).
3. **Epistemology**: Nhận thức luận (nghiên cứu về tri thức).
4. **Pragmatism**: Chủ nghĩa thực dụng (đánh giá mọi thứ dựa trên hiệu quả thực tế).
5. **Constructivism**: Chủ nghĩa kiến tạo (lý thuyết giáo dục nhấn mạnh việc học là quá trình xây dựng kiến thức).
6. **Cognition**: Nhận thức (quá trình hiểu biết và suy nghĩ).
7. **Matriculation**: Sự nhập học (quá trình ghi danh vào trường học).
8. **Proficiency**: Sự thành thạo (mức độ kỹ năng và kiến thức).
9. **Pedagogical**: Thuộc về sư phạm (liên quan đến giảng dạy).
10. **Extracurricular**: Ngoại khóa (hoạt động ngoài chương trình học chính).

**Chủ đề Khoa học:**

1. **Quantum mechanics**: Cơ học lượng tử (lĩnh vực vật lý nghiên cứu các hạt rất nhỏ).
2. **Photosynthesis**: Quang hợp (quá trình thực vật chuyển đổi ánh sáng thành năng lượng).
3. **Thermodynamics**: Nhiệt động lực học (nghiên cứu về nhiệt và năng lượng).
4. **Biotechnology**: Công nghệ sinh học (ứng dụng của các sinh vật trong công nghệ).
5. **Astrophysics**: Vật lý thiên văn (nghiên cứu về vật lý của vũ trụ).
6. **Neuroscience**: Khoa học thần kinh (nghiên cứu về hệ thần kinh).
7. **Cytology**: Tế bào học (nghiên cứu về cấu trúc và chức năng của tế bào).
8. **Entropy**: Độ hỗn loạn (một khái niệm trong nhiệt động lực học).
9. **Genealogy**: Phả hệ học (nghiên cứu về gia phả và dòng họ).
10. **Metamorphosis**: Sự biến đổi (quá trình thay đổi hình dạng hoặc cấu trúc, thường dùng trong sinh học).

**Chủ đề Đời sống hàng ngày:**

1. **Metabolism**: Sự trao đổi chất (quá trình cơ thể chuyển đổi thức ăn thành năng lượng).
2. **Ergonomics**: Công thái học (nghiên cứu thiết kế công cụ và không gian làm việc hiệu quả).
3. **Circadian rhythm**: Nhịp sinh học (chu kỳ tự nhiên của cơ thể trong 24 giờ).
4. **Mindfulness**: Tỉnh thức (kỹ thuật tập trung vào hiện tại).
5. **Procrastination**: Sự trì hoãn (hoãn lại công việc cần làm).
6. **Resilience**: Sự kiên cường (khả năng phục hồi sau khó khăn).
7. **Autonomy**: Sự tự chủ (khả năng tự quyết định).
8. **Interpersonal**: Liên nhân (liên quan đến quan hệ giữa người với người).
9. **Longevity**: Tuổi thọ (thời gian sống của một cá nhân).
10. **Rejuvenation**: Sự trẻ hóa (quá trình làm trẻ lại).

**Chủ đề Môi trường:**

1. **Anthropogenic**: Do con người gây ra (tác động của con người lên môi trường).
2. **Deforestation**: Phá rừng (quá trình mất rừng do chặt phá).
3. **Eutrophication**: Phú dưỡng (sự giàu dinh dưỡng quá mức trong nước, gây hại cho hệ sinh thái).
4. **Biodegradable**: Phân hủy sinh học (có thể bị phân hủy bởi vi sinh vật).
5. **Decarbonization**: Khử cacbon (giảm lượng khí CO2 trong khí quyển).
6. **Photovoltaic**: Quang điện (chuyển đổi ánh sáng thành điện năng).
7. **Geothermal**: Địa nhiệt (năng lượng từ nhiệt độ bên trong trái đất).
8. **Ozone depletion**: Suy giảm tầng ozone (mỏng dần tầng ozone bảo vệ trái đất).
9. **Carbon footprint**: Dấu chân cacbon (lượng khí thải CO2 của một cá nhân hoặc tổ chức).
10. **Ecological niche**: Ngách sinh thái (vai trò và vị trí của một loài trong hệ sinh thái).

**Chủ đề Kinh tế:**

1. **Macroeconomics**: Kinh tế vĩ mô (nghiên cứu về nền kinh tế toàn quốc hoặc toàn cầu).
2. **Microeconomics**: Kinh tế vi mô (nghiên cứu về các yếu tố kinh tế nhỏ hơn, như cá nhân hoặc doanh nghiệp).
3. **Deregulation**: Sự bãi bỏ quy định (giảm bớt quy định của chính phủ đối với ngành công nghiệp).
4. **Capitalism**: Chủ nghĩa tư bản (hệ thống kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân và thị trường tự do).
5. **Keynesian**: Liên quan đến kinh tế học của Keynes (tập trung vào vai trò của chính phủ trong điều tiết kinh tế).
6. **Neoliberalism**: Chủ nghĩa tự do mới (chính sách kinh tế thúc đẩy thị trường tự do và giảm thiểu can thiệp của chính phủ).
7. **Protectionism**: Chính sách bảo hộ (bảo vệ ngành công nghiệp trong nước bằng cách áp đặt thuế quan).
8. **Fiscal policy**: Chính sách tài khóa (sử dụng chi tiêu và thuế để điều chỉnh kinh tế).
9. **Gross domestic product (GDP)**: Tổng sản phẩm quốc nội (tổng giá trị hàng hóa và dịch vụ của một quốc gia trong một năm).
10. **Hyperinflation**: Siêu lạm phát (lạm phát tăng vọt và mất kiểm soát).

**Kì thi HSGQG**

**Chủ đề Văn hóa và Xã hội:**

1. **Patriarchy**: Chế độ phụ quyền (hệ thống xã hội do nam giới thống trị).
2. **Cultural relativism**: Tương đối văn hóa (quan điểm rằng các giá trị văn hóa không thể so sánh một cách tuyệt đối).
3. **Diaspora**: Cộng đồng người di cư (nhóm người sống xa quê hương).
4. **Xenophobia**: Nỗi sợ người lạ (sự thù ghét hoặc sợ hãi đối với người nước ngoài).
5. **Secularism**: Chủ nghĩa thế tục (không liên quan đến tôn giáo).

**Chủ đề Giáo dục:**

1. **Pedagogy**: Khoa sư phạm (nghiên cứu và thực hành giảng dạy).
2. **Holistic education**: Giáo dục toàn diện (phương pháp giáo dục tập trung vào phát triển toàn diện).
3. **Cognitive development**: Phát triển nhận thức (sự phát triển khả năng suy nghĩ và hiểu biết).
4. **Scaffolding**: Giảng dạy hỗ trợ (phương pháp hỗ trợ học sinh học tập bằng cách từng bước).
5. **Heuristic**: Phương pháp tự tìm tòi (phương pháp giúp học sinh tự khám phá và học hỏi).

**Chủ đề Khoa học:**

1. **Epigenetics**: Di truyền học ngoài gen (nghiên cứu về các thay đổi di truyền không liên quan đến DNA).
2. **Nanotechnology**: Công nghệ nano (khoa học và công nghệ của các vật liệu siêu nhỏ).
3. **Cryogenics**: Khoa học làm lạnh (nghiên cứu về các hiện tượng ở nhiệt độ rất thấp).
4. **Biosphere**: Sinh quyển (tầng sống của trái đất).
5. **Bioluminescence**: Phát quang sinh học (khả năng của sinh vật phát ra ánh sáng).

**Chủ đề Đời sống hàng ngày:**

1. **Mindfulness**: Tỉnh thức (kỹ thuật tập trung vào hiện tại).
2. **Zeitgeist**: Tinh thần thời đại (tinh thần hoặc phong cách của một thời kỳ cụ thể).
3. **Eudaimonia**: Hạnh phúc tối thượng (trạng thái hạnh phúc và thịnh vượng).
4. **Cognitive dissonance**: Mâu thuẫn nhận thức (cảm giác khó chịu do mâu thuẫn trong suy nghĩ).
5. **Psychosomatic**: Tâm sinh lý (liên quan đến tác động của tâm lý đến cơ thể).

**Chủ đề Môi trường:**

1. **Bioremediation**: Khử nhiễm sinh học (sử dụng sinh vật để làm sạch môi trường ô nhiễm).
2. **Anthropocene**: Kỷ nhân sinh (kỷ nguyên mà con người có tác động lớn đến trái đất).
3. **Ecotourism**: Du lịch sinh thái (du lịch có trách nhiệm với môi trường).
4. **Hydroponics**: Thủy canh (phương pháp trồng cây trong nước).
5. **Sustainability**: Bền vững (khả năng duy trì lâu dài mà không gây hại cho môi trường).

**Chủ đề Kinh tế:**

1. **Globalization**: Toàn cầu hóa (quá trình các quốc gia và văn hóa kết nối và phụ thuộc lẫn nhau).
2. **Monetary policy**: Chính sách tiền tệ (quản lý tiền tệ và lãi suất của một quốc gia).
3. **Entrepreneurship**: Khởi nghiệp (hoạt động thành lập và điều hành doanh nghiệp).
4. **Stagflation**: Lạm phát đình đốn (tình trạng kinh tế vừa lạm phát vừa suy thoái).
5. **Econometrics**: Kinh tế lượng (ứng dụng toán học và thống kê trong kinh tế học).

**Kì thi HSGQG ( Phần 2)**

**Chủ đề Văn hóa và Xã hội:**

1. **Pluralism**: Chủ nghĩa đa nguyên (sự chấp nhận và tôn trọng nhiều quan điểm khác nhau).
2. **Syncretism**: Sự pha trộn tôn giáo (sự kết hợp của các yếu tố từ nhiều tôn giáo).
3. **Iconoclasm**: Phong trào bài trừ thần tượng (phản đối việc tôn thờ hình tượng).
4. **Anomie**: Sự vô tổ chức xã hội (tình trạng thiếu hụt chuẩn mực và giá trị).
5. **Ethnography**: Dân tộc học (nghiên cứu về các dân tộc và văn hóa).

**Chủ đề Giáo dục:**

1. **Metacognition**: Siêu nhận thức (khả năng tự nhận thức về quá trình suy nghĩ của mình).
2. **Andragogy**: Giáo dục người lớn (phương pháp giảng dạy cho người lớn).
3. **Phonology**: Âm vị học (nghiên cứu về hệ thống âm thanh trong ngôn ngữ).
4. **Lexicography**: Từ điển học (nghiên cứu và biên soạn từ điển).
5. **Morphology**: Hình thái học (nghiên cứu về cấu trúc và hình thái của từ).

**Chủ đề Khoa học:**

1. **Cosmology**: Vũ trụ học (nghiên cứu về nguồn gốc và sự phát triển của vũ trụ).
2. **Astrobiology**: Sinh học ngoài hành tinh (nghiên cứu về sự sống ngoài trái đất).
3. **Paleontology**: Cổ sinh vật học (nghiên cứu về hóa thạch và sự tiến hóa của sinh vật).
4. **Biophysics**: Vật lý sinh học (nghiên cứu về các quá trình sinh học bằng cách sử dụng các nguyên tắc vật lý).
5. **Climatology**: Khí hậu học (nghiên cứu về khí hậu và thời tiết dài hạn).

**Chủ đề Đời sống hàng ngày:**

1. **Neuroplasticity**: Tính dẻo của não (khả năng của não thay đổi và thích nghi).
2. **Emotional intelligence**: Trí tuệ cảm xúc (khả năng nhận biết và quản lý cảm xúc của mình và người khác).
3. **Chronobiology**: Sinh học nhịp sinh học (nghiên cứu về các hiện tượng sinh học theo chu kỳ).
4. **Neurotransmitter**: Chất dẫn truyền thần kinh (chất hóa học truyền tín hiệu giữa các tế bào thần kinh).
5. **Somnology**: Khoa học giấc ngủ (nghiên cứu về giấc ngủ và rối loạn giấc ngủ).

**Chủ đề Môi trường:**

1. **Biocapacity**: Năng lực sinh học (khả năng của hệ sinh thái sản xuất tài nguyên và hấp thụ chất thải).
2. **Ecocide**: Tội ác môi trường (hủy hoại môi trường quy mô lớn).
3. **Geopolitics**: Địa chính trị (nghiên cứu về ảnh hưởng của địa lý đối với chính trị và quan hệ quốc tế).
4. **Permafrost**: Băng vĩnh cửu (lớp đất đóng băng vĩnh viễn).
5. **Anthropocentrism**: Chủ nghĩa nhân vị (quan điểm đặt con người ở trung tâm của mọi vấn đề).

**Chủ đề Kinh tế:**

1. **Cryptocurrency**: Tiền điện tử (tiền tệ số được bảo mật bằng mật mã).
2. **Subsidy**: Trợ cấp (hỗ trợ tài chính từ chính phủ hoặc tổ chức).
3. **Oligopoly**: Độc quyền nhóm (thị trường do một số ít công ty chi phối).
4. **Microfinance**: Tài chính vi mô (cung cấp dịch vụ tài chính cho người nghèo).
5. **Elasticity**: Độ co giãn (mức độ phản ứng của cầu hoặc cung đối với thay đổi giá).

Cre: Huỳnh Trần Kỳ Anh – THPT chuyên Trần Đại Nghĩa